

Bản án số: 07/2023/HNGĐ - PT

Ngày: 29- 3- 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, Ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng B: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLPT- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung vợ chồng”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 114/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa bị anh Đinh Quang D (bị đơn) kháng cáo về phần tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 622/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Bị đơn:* Anh Đinh Quang D, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đinh Quang L, địa chỉ thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Anh Đinh Thanh B, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Đinh Quang D đã đăng ký kết hôn ngày 27/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng B trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đinh Quang C, sinh ngày 12/3/2014 và cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 19/3/2017. Sau khi ly hôn nguyên vọng của chị H là được nuôi dưỡng các con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: 01 ngôi nhà trị giá khoảng 600.000.000 đồng, 01 chiếc xe máy mua năm 2015, lúc mua trị giá 36.000.000 đồng. Chị H có nguyên vọng được ở ngôi nhà để nuôi con và trả lại phần chênh lệch cho anh D. Việc anh D kê khai hiện nay còn có 10 chỉ vàng 9999 chị H không nhất trí vì trong thời gian anh D đi làm ăn xa chị đã bán hết số vàng trên để nuôi con và trang trải cuộc sống gia đình.

Về các khoản vay chung: Chị H kê khai vay ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa 200.000.000 đồng, vay ngân Hng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa 70.000.000 đồng, vay nợ cá nhân chị Trần Thị H 40.000.000 đồng, vay em rể Đinh Thanh B 15.000.000 đồng, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị và anh D mỗi người có trách nhiệm trả một nửa khoản vay. Về các khoản vay của ông L bố anh D không có vì giữa gia đình chị và anh D không ký kết giấy vay mượn tiền và mượn gỗ nào với ông L nên việc anh D và ông L yêu cầu trả các khoản vay cho ông L chị H không nhất trí. Về khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa chị H khai vay để trang trải cuộc sống gia đình nhưng anh D không nhất trí và chị H trình bày nếu anh D không nhất trí khoản vay nói trên chị chịu trách nhiệm trả khoản vay nói trên cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa và không yêu cầu chia khoản vay nói trên.

Bị đơn anh D trình bày: Quá trình hôn nhân, con chung anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị H. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh nhất trí. Anh D có nguyên vọng được nuôi các con hoặc hỏi ý kiến của cháu Cường, anh và chị H mỗi người nuôi 01 cháu.

Tài sản chung: 01 ngôi nhà diện tích 146 m² xây dựng năm 2018 trị giá 500.000.000 đồng, 01 chiếc xe máy mua năm 2015 lúc mua là 40.000.000 đồng, 10 chỉ vàng 9999. Anh D có nguyên vọng được ở ngôi nhà và trả phần tiền chênh lệch cho chị H.

Khoản vay chung: Vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 200.000.000 đồng, vay ông Đinh Quang L 60.000.000 đồng để làm nhà, nợ tiền của ông Đinh Quang L mua 10 cây mít 40.000.000 đồng, 15 que khung ngoại 5.250.000 đồng, nợ tiền làm nhà 1.705.000 đồng để làm nhà, vay chị Trần Thị H 19.000.000 đồng, vay em rể Đinh Thanh B 15.000.000 đồng, nợ anh Hiếu Hương 3.000.000 đồng. Về khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa chị H tự ý vay anh không biết và anh không ký vào khoản vay này nếu chị H vay thì chị H tự trả;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Đinh Quang L: Việc trình bày của anh D về khoản nợ của ông là đúng sự thật. Vì là bố con nên không viết giấy tờ vay mượn. Ông đề nghị anh D và chị H có trách nhiệm trả nợ cho ông;

+ Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa xác nhận anh D và chị H có vay 200.000.000 đồng, hiện dư nợ 110.700.000 đồng. Đề nghị chị H, anh D có trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng.

+ Ngân hàng chính sách huyện Minh Hóa xác nhận hộ gia đình anh D chị H có vay 70.000.000 đồng, tại thời điểm xét xử sơ thẩm 73.428.000 đồng, vay theo hình thức tín chấp. Nếu chị H tự nguyện trả thì Ngân Hàng nhất trí chuyển khoản vay này thành khoản vay riêng của chị H.

+ Anh Đinh Thanh B xác nhận chị H và anh D nợ anh B 15.000.000 đồng;

+ Chị Trần Thị H trình bày chị H anh D nợ chị 35.000.000 đồng. Lúc đầu vay 20.000.000 đồng nhưng sau đó chị H vay thêm 10.000.000 đồng. Đề nghị buộc hai người phải trả nợ cho chị H.

Do không thống nhất về giá trị tài sản chung nên các bên đã yêu cầu định giá. Kết quả định giá: nhà 541.357.000 đồng, giàn mát phía trước nhà trị giá 23.167.000 đồng; xe máy Honda Lead 15.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 114/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự. Áp dụng Điều 27, 29, 33, 37, 38, 51, 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Đinh Quang D

2. Về con chung: Xử giao chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Khánh Linh, sinh ngày 19/3/2017. Xử giao anh Đinh Quang D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Quang Cường, sinh ngày 12/3/2014.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản vay chung:

Chia cho chị H các tài sản sau: 01 xe máy HONDA nhãn hiệu LEAD trị giá 15 triệu đồng;

Chia cho anh D các tài sản sau: 01 ngôi nhà loại nhà cấp 3 có xây dựng kiên cố có chiều rộng là 7,7 m và chiều dài là 20,1m , tổng diện tích ngôi nhà là 154,77 m² và 01 giàn mát gắn liền với ngôi nhà tại Thôn L, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Giao cho chị H có nghĩa vụ trả món vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa cả gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số 3806-LAV-202100699 ngày 04/06/2021 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 110.700.000 đ (Một trăm mười triệu bảy trăm ngàn đồng) và lãi phát sinh sau này.

Giao cho chị H có nghĩa vụ trả số vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa cả gốc và lãi phát sinh tại sổ vay vốn ngày 16/11/2019 số tiền tính đến thời điểm xét xử cả gốc và lãi phát sinh số tiền 73.482.000 đ (bảy mươi ba triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Giao cho anh D có nghĩa vụ trả số tiền vay của chị Trần Thị H, địa chỉ Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng B số tiền 19.000.000 đồng. (mười chín triệu đồng)

Giao cho anh D có nghĩa vụ trả số tiền vay cho anh Đinh Thanh B, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)

Buộc anh D có trách nhiệm trả số tiền chênh lệch chia tài sản là 274.762.000 đồng; tiền công sức đóng góp vào việc xây dựng khối tài sản chung là 30.000.000 đồng và tiền nghĩa vụ trả cho Ngân hàng và nợ cá nhân là 38.350.000 đồng, tổng cộng anh D phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nói trên cho chị H là 343.112.000 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười hai ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/12/2022, anh Đinh Quang D kháng cáo Bản án sơ thẩm số 114/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình với nội dung: Không nhất trí trích 30.000.000 đồng công sức đóng góp của chị H trong khối tài sản chung của vợ chồng; Về chiếc xe Honda Lead đề nghị chia đôi mỗi người 7.500.000 đồng; đề nghị chấp nhận các khoản nợ của ông L gồm tiền 10 cây mít: 40.000.000 đồng, 15 cây khùng ngoại giá 5.250.000 đồng, tổng 45.250.000 đồng chia đôi mỗi người trả một nửa; Chấp nhận tài sản chung của vợ chồng có 10 chỉ vàng 9999; các khoản nợ anh B, chị H buộc mỗi người trả 1 nửa;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài các nội dung kháng cáo, anh D còn đề nghị xem xét số tiền anh D trả góp để mua điện thoại, máy in cho chị H, tiền mua máy giặt, mua nhẫn cưới chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm. Nguyên đơn chị H đề nghị không chấp nhận kháng cáo. Số tiền mua điện thoại, máy in, máy giặt anh D có yêu cầu thì hai người sẽ tự thỏa thuận.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đinh Quang D; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 114/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của TAND huyện Minh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét các nội dung kháng cáo của anh Đinh Quang D, Hội đồng xét xử thấy:

Về 10 chỉ vàng 9999: Chị H trình bày số vàng trên đã bán để làm nhà cũng như nuôi con ăn học. Anh D không chứng minh được số vàng trên còn tồn tại. Vì vậy, không có cơ sở để Tòa cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Kháng cáo đề nghị công nhận còn số vàng nói trên là không có căn cứ;

Về công sức đóng góp của chị H trong khối tài sản chung cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 30.000.000 đồng, anh D kháng cáo không chấp nhận chị H được hưởng số tiền này, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình vợ chồng làm nhà, anh D đi làm ăn xa, chị H vừa đi làm vừa trông coi, giám sát xây nhà cửa, vừa chăm sóc con cái. Cấp sơ thẩm đã quyết định trích 30.000.000 đồng trong số tài sản chung của anh D, chị H cho chị H là quyết định hợp lý. Nội dung kháng cáo này của anh D không được chấp nhận.

Về số nợ ông L tiền mua 10 cây mít, 15 thanh khung ngoại, sau khi xét xử sơ thẩm, ông L không kháng cáo. Tại phiên tòa, ông L trình bày trên thực tế là có cho anh D 1 số cây mít để làm nhà nhưng anh D ly hôn nên buộc hai người phải trả lại tiền cho ông. Số nợ trên không được chị H thừa nhận. Vì vậy kháng cáo của anh D không có cơ sở chấp nhận.

Về phương thức chia tài sản chung, chia nợ để trả: Do ngôi nhà chung của vợ chồng được xây dựng trên đất của ông L bố anh D nên Tòa giao nH cho anh D sở hữu và sử dụng là hợp lý. Tổng trị giá trị tài sản của anh D được nhận 564.524.000 đồng. Anh D phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho chị H là 274.762.000 đồng. Ngoài ra anh D còn phải thanh toán cho chị H 30.000.000 đồng công sức đóng góp vào khối tài sản chung. Tổng số tiền buộc anh D thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H 304.762.000 đồng. Về số nợ chung được chấp nhận là 144.700.000 đồng, mỗi người trả 1 nửa 72.350.000 đồng. Do chị H phải trả khoản nợ chung 110.700.000 đồng nên anh D phải có nghĩa vụ giao cho chị H 38.350.000 đồng tiền chênh lệch nghĩa vụ chung. Anh D phải trả nợ cho chị H 19.000.000 đồng, trả cho anh B 15.000.000 đồng. Án sơ thẩm đã chia giá trị tài sản (chênh lệch 30.000.000 đồng giữa chị H và anh D) và chia đôi số nợ buộc hai bên có nghĩa vụ trả là có căn cứ. Kháng cáo của anh D đề nghị chia đôi số nợ anh B, chị H mỗi người trả một nửa không có cơ sở xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D còn yêu cầu xem xét số tiền anh trả góp để mua điện thoại, mua máy in cho chị H, tiền mua máy giặt, mua nhẫn cưới chưa có yêu cầu giải quyết ở cấp sơ thẩm. Về vấn đề này, nếu anh chị không tự thỏa thuận được có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng 1 vụ kiện dân sự khác.

Từ những nhận định trên thấy không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về án phí: Anh Đinh Quang D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đinh Quang D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng B.

2. Về án phí: Anh Đinh Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh D đã nộp tại biên lai số 0000714 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi Hình án huyện Minh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng B;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Từ Thị Hải Dương